

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 18/07/2022

V/v: Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L

và anh Lê Thanh T

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Mạnh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Anh

2. Ông Nguyễn Sơn Hóa

Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Th- ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 18/ 07/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 705/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp: Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST ngày 13/06/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/06/2022 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm: 1990,

ĐKKHKT : Căn 3236-Tòa HH3A LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Căn 3430 - tòa nhà HH4A LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Thanh T - sinh năm: 1985;

ĐKHKT : Căn 3236-Tòa HH3ALĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Căn 3430 - tòa nhà HH4A LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt chị L, vắng mặt anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn TX, huyện TX, Tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh T, chị L sinh sống tại căn 3430, tòa nhà HH4A LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn lần đầu của chị L.

Quá trình chung sống chị L, anh T hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kết hôn không có tình yêu cộng với việc trong thời gian chung sống chị L, anh T không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm. Mặc dù đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không đi đến đâu vì mâu thuẫn chính là chị L, anh T có quan điểm quá khác biệt không thể chia sẻ được. Thỉnh thoảng có cãi nhau, chị L không có cảm giác an toàn khi sống chung. Chính vì vậy nó làm ảnh hưởng trầm trọng đến hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T, chị L sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung: Cháu tên là Lê Hà V – sinh ngày 05/05/2012. Ly hôn chị L có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Về tài sản chung (động sản, bất động sản) :

- + Về động sản : Chị L, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về bất động sản: Chị L, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về án phí:* Chị L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu nh- đã trình bày.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh T theo quy định tại khoản 4,5 điều 177 Bộ luật TTDS năm 2015,

anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tổng đạt nhưng anh T không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Đây là trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với ng-ời khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh anh Lê Thanh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do vậy, căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 243 đến điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử quá thời hạn luật định như do dịch bệnh Covid- 19 nên không kiến nghị

Sau khi phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTW Quốc hội.
- *Tình cảm*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị L được ly hôn anh Lê Thanh T.
- *Con chung*: Xác nhận cháu Lê Hà V – sinh ngày 05/05/2012 là con chung của chị Lan và anh T. Ly hôn, giao cháu Lê Hà V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu về phân cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Anh Lê Thanh T đ- ọc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai đ- ọc ngăn cản.

- *Tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, án phí Tòa án ban hành Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTW Quốc hội. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận định:

- Về thủ tục: Ngày 29/11/2021 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L, anh Lê Thanh T theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh T đã trực tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án hoặc cũng nh- tổ tr- ởng dân phố giao nh- ng anh T không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng mà không có lý do. Đây là trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với ng- ời khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

-Về tình cảm: chị Nguyễn Thị L, anh Lê Thanh T có đăng ký kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn TX, huyện TX, Tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19 tháng 10 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L, anh T chung sống tại căn 3430, tòa nhà HH4A LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kết hôn không có tình yêu cộng với việc trong thời gian chung sống chị L, anh T không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm mặc dù đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không đi đến đâu vì mâu chốt là chị L, anh T có quan điểm quá khác biệt không thể chia sẻ được. Thỉnh thoảng có cãi nhau, chị L không có cảm giác an toàn khi sống chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L có nguyện vọng xin ly hôn với anh Lê Thanh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị L, HĐXX thấy rằng hôn nhân phải đ- ợc xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Khi tình cảm không còn thì việc duy trì hôn nhân là không cần thiết bởi mức độ mâu thuẫn đã căng thẳng, việc đoàn tụ là rất khó . Bởi vì chị L, anh T có cãi nhau, chị L không có cảm giác an toàn khi sống chung và khi biết chị L làm đơn ly hôn anh T không chịu lên tòa để hòa giải, qua đó thể hiện anh T không còn tình cảm với chị L, cũng không muốn hàn gắn hôn nhân. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- -

ợc, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung, cháu tên là Lê Hà V – sinh ngày 05/05/2012. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Hiện tại, chị L là người đang trực tiếp chăm sóc cháu V. Chị L có công việc ổn định thu nhập 15.000.000 đồng/01 tháng, hàng tháng chị L vẫn đóng tiền học cho con, chị đảm bảo về việc chăm sóc đưa đón cháu V đi học. Cháu Lê Hà V là cháu gái do vậy, giao cháu Lê Hà V cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý để chị có thể chăm sóc giáo dục cháu đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con; Chị L không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quyền kháng cáo : chị Nguyễn Thị L, anh Lê Thanh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

- Căn cứ điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ điều 143; 147; 177, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L đ-ợc ly hôn anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Xác nhận cháu Lê Hà V – sinh ngày 05/05/2012 là con chung của chị Lan và anh T. Ly hôn, giao cháu Lê Hà V cho chị L trực tiếp nuôi d-ỡng cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác.

Anh Lê Thanh T đ-ợc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai đ-ợc ngăn cản.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0049556 ngày 09/11/2021 của chi cục thi hành án quận Hoàng Mai)

(□n xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh T)

- Chị L đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- Anh T đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Hoàng Mai.
- Đ- ơng sự.
- L- u.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Mạnh Thành